

Bản án số: 15/2024/DS-ST.

Ngày 22/02/2024.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam;

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-DS, ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969. Địa chỉ: K, thị trấn Mỹ L, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th là anh Trần Minh Nh, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 513, ấp Chà V, xã Vinh K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền đề ngày 21/11/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Thái Văn T, sinh năm 1979 và chị Kiên Lạc Th, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: K, thị trấn Mỹ L, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trần Minh Nhật là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Vào năm 2015, do quen biết nên bà Nguyễn Thị Th có cho vợ chồng anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th vay số tiền là 30.000.000 đồng và mượn là 05 chỉ vàng 24k loại vàng 9999. Đến năm 2018, bà Th tiếp tục cho anh T và chị

Th vay 04 chỉ vàng 06 phân vàng 18k, loại vàng 7,5 tuổi (bà Th không nhớ cụ thể vào ngày, tháng, năm nào). Khi vay tiền và vàng của bà Th thì anh T và chị Th không có viết biên nhận cho bà Th nhưng đến ngày 02/6/2022 thì anh T có viết biên nhận nợ cho bà Th. Chữ viết và chữ ký trong biên nhận là do vợ chồng T viết và ký tên, hứa là 02 tháng sẽ trả đủ cho bà Th. Số tiền và vàng trên do vợ chồng anh T trực tiếp nhận.

Quá trình vay tiền và vàng thì hai bên thỏa thuận lãi suất tiền là 1.000.000 đồng một tháng là 50.000 đồng, còn 01 chỉ vàng 24k một tháng là 100.000 đồng, còn vàng 18k thì không có tính lãi. Việc thỏa thuận lãi không có viết vào biên nhận. Quá trình vay vợ chồng anh T có đóng lãi cho bà Thu được 7 tháng (lúc vay) thì ngưng đóng lãi và không có trả tiền và vàng cho bà Th. Hiện tại vợ chồng anh T không có mặt tại địa phương và bà Th không biết vợ chồng anh T đang ở đâu, chỉ biết đi làm thuê ở Bình Dương. Khi đến hạn trả nợ, bà Th đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T trả số nợ trên nhưng vợ chồng anh T không đồng ý. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 02/6/2022 đến ngày 02/11/2023 (17 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 8.466.000 đồng. Đồng thời yêu cầu anh T và chị Th phải trả 05 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và 04 chỉ 06 phân vàng 18k loại vàng 7,5 tuổi theo giá thị trường. Bà Th không yêu cầu tính lãi đối với vàng. Ngoài ra, bà Th không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền, bà không có ý kiến bổ sung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt và niêm yết văn bản tố tụng theo quy định. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th phải trả số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/6/2022 đến ngày 02/11/2023 (17 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 8.466.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Th. Đồng thời buộc anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc

Th phải trả 05 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 và 04 chỉ 06 phân vàng 18k, loại vàng 7,5 tuổi theo giá thị trường cho bà Nguyễn Thị Th.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Thái Văn Tâm và chị Kiên Lạc Thiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Phản kiến nghị*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện buộc anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th phải trả 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 02/6/2022 đến ngày 02/11/2023 (17 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 8.466.000 đồng. Đồng thời yêu cầu anh T và chị Th phải trả 05 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và 04 chỉ 06 phân vàng 18k loại vàng 75% theo giá thị trường cho bà Th. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 02/6/2022 đến ngày 02/11/2023 (17 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 8.466.000 đồng. Đồng thời yêu cầu anh T và chị Th phải trả 05 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và 04 chỉ 06 phân vàng 18k loại vàng 75% theo giá thị trường cho bà để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp biên nhận nợ “đề ngày 02/6/2022”.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Xét thấy biên nhận nợ “đề ngày 02/6/2022” do bà Nguyễn Thị Th cung cấp, có nội dung thể hiện: “*Thái Văn T, sinh năm 1979 và Kiên Lạc Th, sinh năm 1986, địa chỉ K, thị trấn Mỹ L huyện Cầu Ngang có nợ bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969 cùng ở k, thị trấn Mỹ L, huyện Cầu Ngang số tiền 30.000.000 đồng, số vàng 05 chỉ vàng 24k và 04 chỉ sáu vàng 18k, vợ chồng cam kết trong vòng 02 tháng kể từ ngày hôm nay sẽ trả 04 chỉ 6 vàng 24k số còn lại vợ chồng tôi sẽ trả dần cho đến khi hết nợ (tết ta năm 2022 đến 2023, anh T và chị Th đã ký tên và ghi rõ họ tên).*”

Căn cứ vào biên nhận “đề ngày 02/6/2022” do bà Th cung cấp đã chứng minh được anh T và chị Th có vay tiền số tiền 30.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, 04 chỉ 06 phân vàng 18k của bà Th. Khi đến hạn trả nợ, anh T và chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bỏ địa phương đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho bà Th biết địa chỉ mới là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th buộc anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th có nghĩa vụ trả số tiền gốc 30.000.000 đồng, 05 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 và 04 chỉ 06 phân vàng 18k, loại vàng 75% cho bà Nguyễn Thị Th là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành quy định hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng là sử dụng làm phương tiện thanh toán, Hội đồng xét xử buộc trả theo giá trị vàng tương ứng tại thời điểm xét xử. Do đó, buộc anh T và chị Th trả cho bà Th 05 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% (tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 có giá là 6.310.000 đồng) bằng số tiền là 31.550.000 đồng và 4 chỉ 6 phân vàng 18k loại vàng 75% (tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 18k, loại vàng 75% có giá 4.280.000 đồng) bằng số tiền 19.688.000 đồng.

- Về lãi suất: Khi giao kết hợp đồng vay tiền giữa bà Th với anh T và chị Th, giao kết bằng lời nói, không làm giấy tờ. Sau khi bà Th giao tiền và vàng cho anh T và chị Th nhận thì anh T và chị Th có viết biên nhận nợ “đề ngày 02/6/2022” nội dung biên nhận có thể hiện thời gian trả nhưng không thể hiện lãi suất vay là bao nhiêu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh T và chị Th trả mức lãi suất từ ngày 02/6/2022 đến ngày 02/11/2023 (17 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 8.466.000 đồng.

Xét thấy đây là hợp đồng vay tiền, có xác định thời hạn trả, nội dung biên nhận không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày việc vay tiền giữa bà Th và anh T, chị Th có thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện trong biên nhận. Khi vay tiền, anh T và chị Th có đóng lãi cho bà Thu được 7 tháng thì ngưng đóng lãi cho đến nay nên bà Th khởi kiện yêu cầu anh T và chị Th trả tiền lãi từ ngày 02/6/2022 đến ngày 02/11/2023 (17 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 8.466.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử buộc anh T và chị Th phải trả cho bà Th số tiền lãi là 8.466.000 đồng.

Đối với số vàng bà Th cho anh T và chị Th mượn, bà Th không yêu cầu anh T và chị Th trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc anh T và chị Th chịu án phí theo quy định

Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 235, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào các Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Buộc anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 38.466.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 8.466.000 đồng.

Buộc anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Th gồm 05 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 tương ứng với số tiền là 31.550.000 đồng và 4 chỉ 6 phân vàng 18k, loại vàng 75% tương ứng với số tiền là 19.688.000 đồng. Tổng số tiền anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Th là 89.704.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th phải chịu 4.485.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí là 1.347.600 đồng theo biên lai số 0019124, ngày 13 tháng 10 năm 2023 và 1.085.000 đồng theo biên lai số 0019123, ngày 13 tháng 10 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

- *Về quyền kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Th có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Thái Văn T và chị Kiên Lạc Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà